

# I

## NHỮNG NHÀ VIẾT BÚT KÝ

Lối văn này không mới, nhưng nhiều người vẫn cho là mới đối với những loại văn sản xuất gần đây. Nếu kể Việt văn thì trong khoảng mấy năm 1915, 1916, 1917, Nguyễn Khắc Hiếu đã viết nhiều bài phiếm luận có tính cách bút ký, vì ông đã căn cứ vào cuộc đời để phát biểu tư tưởng của mình. Chắc nhiều người còn nhớ những bài: *Luận về ăn ngon*, *Thằng người ngậy cưỡi con ngựa hay* và nhiều bài khác nữa trong *Đông Dương tạp chí* của thi sĩ Tản Đà. Còn nếu kể Hán văn ở nước ta, thì không mấy người trí thức Việt Nam là không biết, sách *Vũ trung tùy bút* 雨中隨筆 của Phạm Hồ<sup>(1)</sup>, quyển sách chép những điều mắt thấy tai nghe về đời Lê Quý (cuối thế kỷ XVIII).

Gần đây, những nhà văn viết bút ký cứng cáp hơn cả là Nguyễn Tuân và Phùng Tất Đắc. Họ Phùng viết những bài phiếm luận có tính cách bút ký như lối Tản Đà; còn

họ Nguyễn viết những thiên tùy bút, vừa ngắn vừa dài, căn cứ vào những việc thiết thực và hơi giống cái lối của Phạm Hồ, nhưng không phải cái giọng trung hậu, đĩnh đạc như Phạm Hồ.

Lẽ tự nhiên là giọng văn đã theo thời mà thay đổi, những ý kiến của hai họ Phùng, Nguyễn không thể đem so với những ý nghĩ của Tản Đà và Phạm Hồ được, vì việc đời đã khác, văn chương Việt Nam lại đã đi đến một đoạn đường mới, đoạn đường mà Hán học đã xế bóng và ánh sáng của Tây học đang tỏ rạng.

(1) Danh sĩ Phạm Đình Hồ (1768 - 1839), bút hiệu Đông Dã Tiếu, biệt hiệu Chiêu Hồ tiên sinh. - BT (Chú thích của biên tập. Những chú thích khác của tác giả được giữ nguyên.)



Photo Atelier

## NGUYỄN TUÂN

(*Biệt hiệu Nhất Lang*)

Ông là một nhà văn đứng hẳn ra một phái riêng, cả về lối văn lẫn về tư tưởng. Chỉ mới gần đây, từ năm 1938 trở lại, người ta mới biết tiếng ông, rồi từ đó, ông dần dần xây dựng cho mình một địa vị vững vàng trong văn giới. Những bài tùy bút, những truyện ngắn, truyện dài của ông đăng từ năm 1938 trong *Tiểu thuyết thứ bảy*, rồi trong *Tao đàn*, *Hà Nội tân văn* và *Trung Bắc chủ nhật*<sup>(1)</sup> đã làm cho văn giới Việt Nam phải chú ý đến lối hành văn đặc biệt của ông và những ý kiến cùng tư tưởng phô diễn bằng những giọng tài hoa, sâu cay và khinh bạc, lúc thì đầy nghệ thuật,

(1) Bốn tạp chí này đều xuất bản ở Hà Nội.

lúc thì bừa bãi, lồi thồi, như một bức phác họa, nhưng bao giờ nó cũng cho người ta thấy một trạng thái của tâm hồn.

Tác phẩm đầu tay của ông là một văn phẩm gần tới sự toàn thiện toàn mỹ. Đó là tập **Vang bóng một thời** (Tân Dân - Hà Nội, 1940).

Khi đứng ngắm một bức cổ họa, người ta thường hay chú ý đến những nét, những màu, những cách bố trí, mà không để ý ngay đến cảnh vật; người ta chỉ chú ý đến cái vẻ riêng của nó gây nên bởi những cái không thường và đó là những đặc điểm của một bức họa xưa...

Đọc **Vang bóng một thời** của Nguyễn Tuân, người ta cũng có một cảm tưởng gần giống như những cảm tưởng trong khi ngắm một bức họa cổ. Gần giống, vì họa sĩ, tác giả bức cổ họa, là người thời xưa, có cái óc của thời mình và có những nét, những màu của thời mình; còn tác giả **Vang bóng một thời** chỉ là người khơi đồng tro tàn của dĩ vãng để bày lại trước mắt ta những cái ta đã biết qua hay chưa biết rõ.

Vậy cái hay cái dở của “tập tranh” này của Nguyễn Tuân ở cả như sự dàn xếp, ở cả như những nét, những màu, rồi sau mới đến cái thú vị của những cảnh, những vật, tùy theo sự xét đoán và sở thích của từng người.

Thuyết tương lai hay thuyết ký vãng đều là những điều không liên lạc gì đến tập bút ký này của Nguyễn Tuân. Tác giả vì nghệ thuật mà tạo ra nó, thì người ta cũng chỉ nên đặt nó trong khung nghệ thuật, không nên xét quyền sách theo một quan niệm luân lý hay xã hội. Độc giả nào ưa thích chủ nghĩa tương lai, có thể bảo truyện này là cái gương phản chiếu một xã hội cổ hủ và kém hèn; còn độc giả nào tôn sùng những cái đã qua, có thể bảo tập truyện này là một quyển ghi chép những cái phong nhã,

thanh cao, làm cho người thời này phải tiếc, phải ngậm ngùi và muốn quay về lối cũ. Nhưng cả hai lối xét nhận ấy đều không ăn nhập gì với **Vang bóng một thời**.

Như cái nhan đề quyển sách, tác giả chỉ định dùng những nét đơn giản để ghi lại mấy cảnh xưa có những tính cách đặc Việt Nam. Cái tiếng vang của thời đã qua, cái bóng của thời đã qua, mà ngày nay người ta tưởng như còn văng vẳng và thấp thoáng, đó là tất cả cái thể lượng nó khởi đầu những mẩu chuyện cổ thời.

Trong mười một truyện, hay trong mười một cảnh, từ *Bữa rượu đầu lâu* đến *Một cảnh thu muộn*, tác giả đã vẽ lại cảnh xưa bằng những nét thật êm dịu, có thể bảo là những nét rầu rầu, những màu xám xám, không một chỗ nào lộ ra những cái rực rỡ, những cái choáng lộn cả. Đây là một bức tranh người gánh nước:

*“Trên con đường đất cát khô, nổi nước chòng chành theo bước chân mau của tên lão bợc đánh rỏ xuống mặt đường những hình ngôi sao ước và thắm màu. Những hình sao ước nối nhau trên một quãng đường dài ngoằn ngoèo như lối đi của loài rắn. Nếu buổi trưa hè này là một đêm có bóng trăng dãi lạnh lưng và nếu cảnh chùa Đồi Mai là một cửa động đào thì những giọt sao kia có đủ cái thi vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở về trần sau khi chia tay cùng chúa non tiên.”*

(*Những chiếc ấm đất*, trang 25)

Thật là một cảnh êm dịu và lạnh lùng, nhưng nó có thể hóa ra tươi thắm dưới một ngòi bút khác.

Rồi đây là một con thuyền chở thợ đi trong một ngọn suối thần:

*“Hai con thuyền thoi đi êm như trườn xuống dốc một ngọn thác mà lòng thác đều lót dày một lớp rêu tơ nõn.*

*Ban nãy, lườn áp bên không có một tiếng động róc rách, như là khẽ lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bây giờ hai con thuyền thoi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rữ, phả mạnh vào mũi thuyền thoi như xuyên cắm sâu mãi vào cái đông đặc của mùi sơn lam.*

*... Người đẩy lườn là một người con gái. Một người con gái mắt sắc như dao cau và lạnh như loài kim, lạnh hơn cái gậy gẩy của rừng buổi sớm này đây sương mù. Tiếng đồng vọng cú rúc hết canh văng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thung lũng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vượn kêu rầu.”*

(*Trên đỉnh non Tân*, trang 39)

Cả cái cảnh trên này chỉ là một cảnh đơn sơ, tờ mờ, nhạt nhạt; và tất cả những tiếng trên này cũng chỉ là những tiếng âm u, sâu thẳm. Câu văn của Nguyễn Tuân thật rất hợp để tả những cảnh ấy, vì đọc lên nó ngân sâu như những tiếng đàn trầm. Văn của Nguyễn Tuân buồn, buồn lắm; dùng lối văn ấy để viết về những cái đã qua, những cái đã chết, thì không còn lối văn nào thích hợp bằng.

Nhưng đôi khi Nguyễn Tuân cũng khi thiên về cái buồn ấy quá, trong *Bữa rượu đầu lâu*, tác giả đã vẽ một cảnh này cho pháp trường:

*“Trời chiều có một vẻ dữ dội. Mặt đất thì sáng hơn là nền trời. Nền trời vẫn những đám mây tím và đỏ vẽ đủ hình quái lạ. Những bức tranh mây chò màu thắm hạ thấp thêm và đè nặng xuống pháp trường oi bức và sáng gắt.”*

(Trang 19)

Trước những cảnh thê thảm của người đời, tạo vật thường vô tình. Cái cảnh một người chết ngạt dưới bùn vì sa lầy trong khi tiếng gió vẫn rì rào qua khe lá, tiếng suối

vẫn reo bên bờ đá, hoa cỏ vẫn xanh tươi như hé miệng cười dưới ánh mặt trời trong sáng, không phải là một cảnh lạ. Thi nhân chả thường trách Tạo hóa lãnh đạm và vô tình đó sao? Vậy cứ gì màu trời phải ảm đạm trong khi một linh hồn hay mấy linh hồn sắp lìa xác? Cái lối cố gò cho cảnh hợp với người ấy đôi khi làm giảm nghệ thuật đi nhiều, vì “nghệ thuật đã tự hạ xuống để cho người ta nhận thấy và cảm thấy”, như lời một nhà phê bình đã viết về cái nhược điểm của La Bruyère.

**Vang bóng một thời** tuy có cái khuyết điểm ấy ở đôi ba chỗ, nhưng lại có cái đặc sắc khác. Tập truyện này cho ta thấy vài đặc tính của người Việt Nam trong thời chưa chịu ảnh hưởng những cái mới do Tây Phương đem lại. Trong những truyện *Những chiếc ấm đất*, *Thả thơ*, *Đánh thơ*, *Hương cuội*, *Chén trà trong sương sớm*, *Một cảnh thu muộn*, ta thấy những gì? Thấy sự thích yên ổn, ưa nhàn hạ của người Việt Nam, thấy cái sống về đường tình thần thanh đạm và đầy tin tưởng ở thần quyền của một dân tộc đã chịu ảnh hưởng rất sâu Khổng giáo và Lão giáo.

Trong những truyện trong *Vang bóng một thời*, thú vị nhất là *Những chiếc ấm đất*, thứ đến *Hương cuội*, *Chén trà trong sương sớm* và *Một cảnh thu muộn*.

Hãy nói riêng về *Những chiếc ấm đất*: Sau khi kể một chuyện về lão hành khất rất sành trà Tàu “ăn mỳ” được một ấm trà và ung dung uống như một tay quý phái, Nguyễn Tuân viết về hai vai chủ, khách là những tay nghiện trà Tàu.

“... Tôi chắc cái lão ăn mỳ này đã tiêu cả một cái sản nghiệp vào rừng trà Vũ Di Sơn nên hẳn mới sành thế và mới đến nỗi cảm bị gậy. Chắc những thứ trà Bạch mao hầu và trà Trảm Mã hẳn cũng đã uống rồi đấy, ông khách ạ. Nhưng mà, ông khách này, chúng ta phải uống một

*ấm trà thứ hai chứ. Chả nhẽ nghe một câu chuyện thú như thế mà chỉ uống với nhau có một ấm thôi.”*

(Trang 34)

*Chả nhẽ và với nhau!* Nếu đoạn văn này viết bằng chữ Nôm, người ta phải khuyên rất nhiều mấy chữ ấy, vì nó đã bao hàm một ý nghĩa điềm đạm và thân mật của hai người bạn bên khay trà.

Thế rồi “ông khách nâng cái ấm quần ấm lên, ngắm nghía mãi và khen:

*Cái ấm của cụ quý lắm đấy. Thực là ấm Thế Đức màu gan gà. “Thứ nhất Thế Đức gan gà; thứ nhì Lưu Bội; thứ ba Mạnh Thần.” Cái Thế Đức của cụ, cao nhiều lắm rồi. Cái Mạnh Thần song ấm của tôi ở nhà mới dùng nên cũng chưa có cao mấy.*

*Cụ Sáu (tức là chủ nhân) vội đổ hết nước sôi vào ấm chuyên, giờ cái ấm đồng còn bay vào sát mặt khách.*

- Ông khách có trông rõ mấy cái mẩu sùi sùi ở trong lòng ấm đồng không? Tàu nó gọi là cái kim hỏa. Có hỏa thì nước mau sôi lắm. Đủ năm cái kim hỏa đấy.

- Thế cụ có phân biệt thế nào là nước sôi già và nước mới sôi không?

- Lại ngư nhân, giải nhân chứ gì. Cứ nhìn tằm nước to được bằng cái mắt cua thì là sôi vừa và khi mà tằm nước to bằng mắt cá thì là nước sôi già chứ gì nữa.

*Chủ khách cả cười...”*

(Trang 35)

Cái thú uống nước trà, tả đến thế thật tuyệt. Cái thú ấy không riêng gì người Việt Nam mới có. Hầu hết các

dân tộc Đông Phương đều có cái thú ấy. Nhưng không ở đâu nó được người ta tôn sùng bằng ở Nhật Bản. Cái tục uống nước trà ở Nhật đã được người ta gọi bằng hai chữ đầy vẻ tôn giáo là “trà đạo”. Vào đầu thời Trung cổ, các giáo sĩ thờ đạo Lão ở miền Nam nước Tàu đem trà vào nước Nhật. Các giáo sĩ chỉ còn có cái thú uống nước trà, nên đi đến đâu truyền đạo cũng đem theo. Uống nước trà đối với họ là một cách để ngồi tư lự hay cùng nhau đàm đạo. Từ thế kỷ thứ X trở đi, những khách phong lưu ở Nhật mới đem sự uống trà đặt vào vòng giao tế và coi là một nghi lễ rất đáng quý, phải hành lễ ấy ở một nhà riêng thật tôn nghiêm gọi là *trà thất*.

Trong quyển *Le livre du thé* của Okakura Kakuzo, xuất bản năm 1927, nhà văn Nhật đã viết câu này:

“Trong thứ nước thơm ngát rót trong cái chén ngà ấy, người uống có thể nếm được cái đậm đà thú vị của Khổng Tử, cái chan chát của Lão Tử và cái hương mát rượi của Thích Già Mâu Ni.”

Cái tính cách tôn giáo trong một buổi uống nước trà, ta đã thấy ở sự giao tế của ông cha ta thuở xưa, nhưng nó cũng đã phai nhạt đi nhiều, chỉ còn để lại những tính chất nhàn hạ, phong lưu thôi. Rồi đến ngày nay, chúng ta cũng như người Nhật hiện thời - đều dùng lối “ngưu ẩm” cả.

Những trang bút ký trong **Vang bóng một thời** thật đã nói nhiều về cái ký vãng của ta, cái ký vãng đầy an nhàn và phẳng lặng. Tập bút ký này của Nguyễn Tuân thật là một tập rất quý. Cái quý giá ấy sẽ còn tăng lên nữa với thời gian, như một thứ đồ cổ vậy.



Tập **Tùy bút** (Cộng Lực - Hà Nội, 1941) của Nguyễn Tuân có thể gọi là tập “Vang bóng thời nay”, vì đây là những tiếng vang, những cái bóng vừa mới vụt qua, không phải những cái vang, cái bóng xưa cũ như trong **Vang bóng một thời**.

Trong tập **Tùy bút** này, có nhiều trang tuyệt hay, như: *Những ngọn đèn xanh... và những dịp còi*, *Một buổi mai đã mất*, *Những ngày Thanh Hóa và Cửa Đại*.

Nguyễn Tuân có ngòi bút tả cảnh lúc hùng tráng, khi ghê rợn, lời văn lại hàm súc, kín đáo, làm cho người đọc ham mê. Hãy xem ông tả một đêm thu phân năm 1939, cái ngày mà Hà Nội tập phòng không lần thứ nhất:

“Vợ chồng H.Ng. và tôi vẫn đi một cách tò mò vòng quanh hồ Hoàn Kiếm. Ánh sáng đỏ và xanh hoa lý nhà Thủy Tạ chảy xuống hồ tù hãm như những ống điện neon có kèm những con tiện ngòong nghèo màu sơn đỏ da chu. Đứng sau màn hình liễu rủ, nhìn thẳng vào Thủy Tạ phía bên kia, tôi tưởng đây là một tòa thủy cung muốn chìm xuống đáy hồ im vắng.

... Đồng hồ tay chỉ 21 giờ. Còi báo động bắt đầu. Còn gì rên rĩ thê thảm bằng. Đèn tắt một loạt. Trong tối tăm, chuông nhà thờ phụ họa với còi báo động. Tiếng còi khóc, ghê rợn như tai chưa bao giờ nghe thấy, ở trên nóc lò sát sinh Địa Ốc Ngân Hàng, người ta đang chọc tiết một con bò mộng. Tiếng còi nấc lên rồi vắng xa như tiếng sáo gió một con diều thả về từ một cõi âm nào. Thế rồi trắng nhú lên, sau nóc nhà Philharmonique. Tiếng còi vẫn rĩ rên, rồi nấc mạnh, rồi chết hẳn, như tiếng tù và ai oán của hiệp sĩ Roland cứu trong thung lũng Roncevaux. Tiếng còi đau khổ vắng ngân trong